| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **174 /**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông **Nguyễn Phong Phi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

Bà **Nguyễn Thị Kim Uyên**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Lâm Thị Thanh Thúy**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn Minh V (Trung), sinh năm: 1990;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1988.

Cùng cư trú: Tổ 11, ấp An Thịnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông V có mặt, bà T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ông Phạm Văn Minh V nộp đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông với bà T được hình thành là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú. Cuộc sống chung tương đối hạnh phúc chỉ phát sinh mâu thuẫn cách nay vài tháng. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, nên thời gian sau này vợ chồng thường xuyên gây cải nhau

làm mất hạnh phúc gia đình, hiện tại hai người sống ly thân. Cha mẹ hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không được. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà T.

Trong quá trình chung sống hai người có 02 con chung, tên Phạm Thành Phát, sinh ngày 06/8/2013; Phạm Thành Thịnh, sinh ngày 12/10/2016. hiện bà T đang nuôi dạy hai cháu, khi ly hôn ông V yêu cầu nuôi con chung là cháu Phát, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: không có; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã trình bày: Về quan hệ hôn nhân như lời ông V khai hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Sau đó ông bà sống tại gia đình cha mẹ chồng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau ông V đi làm tài xế lài xe thì thay đổi có quan hệ quen biết vói phụ nữ khác bên ngoài làm mất hạnh phúc gia đình. Bà không chung sống được nửa nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Nay xét thấy có trở về chung sống cũng không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông V.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung như ông V trình bày. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung,

Về cấp dưỡng: đề nghị ông V cấp dưỡng 02 cháu mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không có không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông V bảo lưu ý kiến của mình. Bà T vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung:

Về hôn nhân: Nhận thấy trong quá trình hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa đã xác định bà T và ông V không còn tình cảm vơ chồng nên việc ông V xin ly hôn bà T đề nghị Tòa án chấp nhận.

Vê con chung: Tại phiên tòa hôm nay ông V vẫn yêu cầu được nuôi con chung là cháu Phạm Thành Phát, sinh năm 2013, tuy nhiên ông hiện đang làm tài xế xe chở khách, nếu có giao cháu cho ông thì ông giao cho bà nội nuôi dạy. Cháu Phát hiện nay đang được mẹ nuôi dạy và cho đi học, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học tập của cháu thì nghĩ nên giao cháu cho bà T tiếp tục nuôi cháu, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của ông V.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[ 1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa ông ông V và bà T tự tìm hiểu, yêu thương, có tổ chức lễ cưới vào năm 2012; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của ông V được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đâu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay ông V xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và bà T cũng đồng ý ly hôn với ông V.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Hiện tại ông V xác định là không còn tình cảm với bà T và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với vì đã không sống chung nhau thời gian lâu. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian không sống chung cả hai đều không quan tâm nhau để hàn gắn, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 19 luật hôn nhân gia đình 2014, thì ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Xét thấy yêu cầu của ông V và bà T là được nuôi con chung. Hai cháu Phát và Thịnh hiện còn nhỏ lứa tuổi cần sự chăm sóc của cha và mẹ, xét:

Hai cháu Phát và Thịnh hiện đang sống với mẹ từ lúc sinh ra đến nay, cháu Phát hiện được mẹ cho đi học tại xã Vĩnh Trường, nhằm tạo sự ổn định về đời sống của các cháu, việc học tập, cũng như cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nghĩ nên giao hai cháu cho bà T tiếp tục nuôi dạy.

Ông V tại phiên tòa cũng xác định hiện tại ông làm nghề tài xế xe khách, do tính chất nghề nghiệp của ông cũng không thường xuyên ở nhà để chăm sóc các con, nếu giao con cho ông thì ông giao con cho bà nội nuôi.

Việc giao con cho mẹ nuôi dạy nhằm bảo đảm sự ổn định về mặt đời sống, học tập cũng như trong sinh hoạt quen thuộc hàng ngày của hai cháu (từ

nhỏ sống với mẹ ở bên ngoại) do đó giao hai cháu Phát và Thịnh cho bà T tiếp tục nuôi dạy là hoàn toàn phù hợp.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dùng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] về cấp dưỡng:

Do bà T có yêu cầu nên buộc ông V cấp dưỡng cho hai cháu mỗi tháng là 1.490.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà T đều xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp tài sản chung sẽ được xem xét giải quyết thành vụ án khác

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông V được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Minh V.

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn Minh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 265, ngày 11/11/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung là cháu Phạm Thành Phát, sinh ngày 06/8/2013 của ông Phạm Văn Minh V.

Giao cháu Phạm Thành Phát, sinh ngày 06/8/2013; Phạm Thành Thịnh, sinh ngày 12/10/2016 cho bà Nguyễn Thị T nuôi.

Về cấp dưỡng: Ông Phạm Văn Minh V cấp dưỡng cho hai cháu Phạm Thành Phát; Phạm Thành Thịnh mỗi tháng là 1.490.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dùng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Phạm Văn Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011661 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông V phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà T được tính từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phong Phi**